TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 24/2017/DS-ST
Ngày: *26-7- 2017*
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Hoài
2. Ông Lâm Cường Thịnh
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXX-ST ngày 21/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1953 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Anh Trần Mạnh A, sinh năm 1994(vắng mặt)
Cùng địa chỉ:Tổ 3, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2017 biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị Y trình bày:

Vào tháng 01 năm 2015 bà Y có cho bà Hoàng Thị N, anh Trần Mạnh A vay nhiều lần, thời gian vay và số tiền từng lần bà Y không nhớ cụ thể, nhưng đến ngày 30/11/2016 (âm lịch) hai bên ngồi chốt lại tiền nợ trước đây và tiền lãi thì bà N và anh A còn thiếu nợ bà Y số tiền là 44.362.000 đồng. Hai bên có làm giấy biên nhận nợ và hẹn đến ngày 30/12/2016 sẽ trả cho bà Y và thỏa thuận lãi suất là 1.5% nhưng trong giấy vay mục đích vay là để trang trãi sinh hoạt gia đình. Nội dung trong giấy là do bà Y viết, còn bà N, anh A là người ký giấy vay. Đến hạn trả nợ không thấy bà N, anh A trả nợ nên bà Y có tới nhà để đòi nhiều lần nhưng bà N, anh A nói chưa có tiền

trả và hẹn hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không trả nợ. Nay bà Y yêu cầu bà N, anh A phải trả cho bà Y số 44.362.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh tính từ ngày 30/01/2017 cho đến khi trả hết nợ. Nhưng vào ngày 18/5/2017 bà Đỗ Thị Y có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình phần lãi suất, không yêu cầu bà N, anh A phải trả số tiền lãi nữa mà để bà tự thương lượng giải quyết cùng bà N, anh A.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2017 bà Hoàng Thị N trình bày:

Bà N thừa nhận bà N và anh Trần Mạnh A có vay của bà Y 05 (Năm) lần, thời gian vay và số tiền bà N không nhớ cụ thể nhưng đến ngày 30/11/2016 (âm lịch) hai bên ngồi chốt lại thì bà N, anh A còn thiếu bà Y số tiền 44.362.000 đồng và hẹn đến ngày 30/12/2016 sẽ trả cho bà Y. Nhưng đến hạn bà N không trả được vì chưa làm sổ đỏ để thế chấp vay ngân hàng. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà N, anh A trả 44.362.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày 30/01/2017 cho đến khi trả hết nợ thì bà N đồng ý. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên bà N yêu cầu được trả dần hàng tháng số tiền 4.000.000 cho đến khi trả hết nợ còn tiền lãi bà N xin không tính lãi.

Đối với bị đơn anh Trần Mạnh A trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh A đến Tòa án làm việc, tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh A vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của anh A được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại số tiền gốc, giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 18/5/2017 và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu.

Bị đơn bà Hoàng Thị N và ông Trần Mạnh A vắng mặt không có lý do chính đáng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

Về thành phần tham gia xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Tòa án lập biên bản nhận đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thụ lý vụ án phân công thẩm phán giải quyết đúng quy định tại Điều 195, Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành thụ lý được định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, việc Tòa án nhân dân huyện Chơn thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quy định tại Điều 206 đến Điều 211 BLTTDS

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS

Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Nội dung và hình thức đảm bảo quy định tại Điều 220 BLTTDS

Về tống đạt văn bản tố tụng: Đúng quy định tại Điều 170, Điều 171, Điều 208 BLTTDS

Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đảm bảo đúng quy định tại điều 220 BLTTDS

Về thu thập chứng cứ: Đúng nguyên tắc về việc xác minh, thu thập chứng cứ quy định tại điều 97, 98 BLTTDS

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử thực hiện đúng định pháp luật của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

Đối với những người tham gia tố tụng khác: Đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 77, Điều 78 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: vào ngày 30/11/2016 bà Đỗ Thị Y có cho bà Hoàng Thị N, anh Trần Mạnh A vay số tiền 44.362.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Thời hạn trả nợ là 30/12/2016. Nhưng quá hạn bà N, anh A vẫn không trả, bà Y có đòi nhiều lần bà N cứ khuất và hẹn. vì vậy bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, về lãi suất bà Y yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước Việt Nam từ ngày 31/01/2017 sau đó đến ngày 18/5/2017 bà Y có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tòa án giải quyết về lãi mà chỉ yêu cầu bà N, anh A trả lại số tiền nợ gốc là 44.362.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y buộc bà N, anh A phải trả cho bà Y số tiền 44.362.000 đồng. Đình chỉ về lãi suất do bà Y không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Y Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn bà N, anh A cùng có nơi cư trú là huyện C tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị N, anh Trần Mạnh A nhưng do bà N, anh A đã được Tòa án nhiều lần triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng bà N, anh A vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đỗ Thị Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự nguyên đơn bà Đỗ Thị Y và bị đơn bà Hoàng Thị N đều thống nhất khẳng định: Trước đây Yên có cho bà Hoàng Thị N, ông Trần Mạnh A vay tiền nhiều lần. Thời gian vay và số tiền từng lần vay bà Y và bà N không nhớ cụ thể, nhưng đến ngày 30/11/2016 (âm lịch) hai bên ngồi chốt lại tiền nợ và tiền lãi thì bà N và anh A còn thiếu nợ bà Y số tiền là 44.362.000 đồng và hẹn đến ngày 30/12/2016 (âm lịch) sẽ thanh toán. Lời trình bày của bà Y, bà N cũng phù hợp với chứng cứ giấy vay tiền đề ngày 30/11/2016 do bà Y cung cấp thể hiện nội dung *"...nay tôi có cho 2 mẹ con bà Hoàng Thị N sinh năm 1954 và con trai là Hoàng Mạnh Nhân sinh năm 1994. Cùng trú tại tổ 3, ấp 3, xã Minh Lập, huyện Chơn thành, BP. Vay số tiền là 44.362.000 đồng (bốn mươi tư triệu, ba trăm sáu hai hai ngàn đồng). Lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Thời hạn đến 30.12.2016 sẽ hoàn trả số tiền trên, nếu sai 2 mẹ con bà N phải chịu trách nhiệm*" bên dưới giấy vay tiền đều ký tên của bà Hoàng Thị N, anh Trần Mạnh A. Như vậy, hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà Hoàng Thị N, anh Trần Mạnh A có nợ của bà Y số tiền 44.362.000 đồng là sự thật do đó cần tuyên buộc bà N, anh A phải thanh toán khoản tiền nợ này cho bà Y. Còn đối với bị đơn anh Trần Mạnh A nhiều lần được Tòa án triệu tập để làm rỏ nội dung sự việc và bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng anh A vẫn vắng mặt, do đó hội đồng xét xử chỉ căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Y, bị đơn Nhung cùng chứng cứ nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với ý kiến của bị đơn bà Hoàng Thị N về việc xin trả dần hàng tháng với số tiền 4.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ 44.362.000 đồng. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định " *...khi đến hạn <u>bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản</u> cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*" và tại khoản 1 điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau " *<u>bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn</u>, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Do ý kiến của bà N không được bà Y chấp nhận nên cần buộc bà N, anh A trả hết một lần số tiền 44.362.000 đồng tiền nợ là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện bà Y về yêu cầu bà N, anh A phải trả tiền lãi cho bà Y tính từ ngày 30/01/2017 cho đến khi trả hết nợ thì vào ngày 18/5/2017 bà Y có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Y là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và cần áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Y về phần lãi suất

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Hoàng Thị N, anh Trần Mạnh A phải chịu số tiền án phí là 44.362.000 đồng x 5% = 2.218.100 đồng (Hai triệu hai trăm mười tám nghìn một trăm đồng).

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471,Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y

- Buộc bà Hoàng Thị N và ông Trần Mạnh A có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Y số tiền nợ gốc là 44.362.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Y về việc cầu bà N, anh A phải trả tiền lãi cho bà Y tính từ ngày 30/01/2017 cho đến khi trả hết nợ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành đối với số tiền phải trả chậm thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì ngoài số tiền phải thi hành còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền phải trả tương ứng với thời gian chậm thì hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị N và ông Trần Mạnh A phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 2.218.100 đồng (Hai triệu hai trăm mười tám nghìn một trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Y số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) mà bà Y đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008524, quyển số 000171 ngày 21/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**